

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 16 /2018/TT-BTP

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2018

THÔNG TƯ**Quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật
về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết về chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật, bao gồm: Mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu sử dụng để tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo; kỳ báo cáo, thời gian lấy số liệu và thời hạn gửi báo cáo; hình thức và phương thức gửi báo cáo; nội dung báo cáo và việc chỉnh lý, bổ sung nội dung, số liệu trong báo cáo.

2. Đối tượng áp dụng

a) Chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bảo hiểm xã hội Việt

Nam, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc, gồm: Công an nhân dân; Bộ đội biên phòng; Cảnh sát biển; Hải quan; Kiểm ngư; Thuế; Quản lý thị trường; Cơ quan thi hành án dân sự; Kho bạc Nhà nước; Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước; tổ chức Thống kê tập trung; Bảo hiểm xã hội tỉnh, huyện và các tổ chức khác thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc theo quy định của pháp luật.

b) Chế độ báo cáo trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp.

Điều 2. Mẫu Đề cương báo cáo và biểu mẫu số liệu báo cáo

1. Phụ lục số 01 là Mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu sử dụng để tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, gồm:

a) Mẫu số 1 là Bảng tổng hợp số liệu báo cáo về xử phạt vi phạm hành chính;

b) Mẫu số 2 là Bảng tổng hợp số liệu báo cáo về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

2. Phụ lục số 02 là Mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu sử dụng để tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, gồm:

a) Mẫu số 1 là Bảng tổng hợp số liệu báo cáo về tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thuộc thẩm quyền;

b) Mẫu số 2 là Bảng tổng hợp số liệu báo cáo về tình hình tuân thủ pháp luật của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền và cá nhân, tổ chức.

Điều 3. Kỳ báo cáo, thời gian lấy số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

1. Báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Kỳ báo cáo: Định kỳ 06 tháng và hàng năm.

b) Thời gian lấy số liệu đối với báo cáo định kỳ 06 tháng và báo cáo định kỳ hàng năm thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

c) Báo cáo phải được gửi về Bộ Tư pháp chậm nhất là 07 ngày, kể từ ngày chốt số liệu.

2. Báo cáo trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

a) Kỳ báo cáo: Định kỳ hàng năm.

b) Thời gian lấy số liệu của báo cáo và thời hạn gửi báo cáo về Bộ Tư pháp được thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 4. Hình thức báo cáo và phương thức gửi, nhận báo cáo

1. Hình thức báo cáo

Báo cáo được thể hiện bằng một trong các hình thức sau:

a) Báo cáo bằng văn bản (là bản có chữ ký, họ tên của Thủ trưởng cơ quan báo cáo và đóng dấu phát hành theo quy định) và gửi kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Các biểu mẫu tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo phải được đóng dấu giáp lai.

b) Báo cáo bằng văn bản điện tử có chữ ký số.

2. Phương thức gửi, nhận báo cáo

Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi trực tiếp;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

c) Gửi qua fax;

d) Gửi qua hệ thống thư điện tử dưới dạng tệp ảnh (định dạng PDF) hoặc văn bản điện tử có ký số;

đ) Phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nội dung báo cáo

1. Báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Cơ quan lập báo cáo có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, trung thực, chính xác các nội dung trong Mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu số liệu báo cáo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư này.

2. Báo cáo trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Cơ quan lập báo cáo có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, trung thực, chính xác các nội dung trong Mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu số liệu báo cáo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư này.

3. Các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo đồng thời, đầy đủ, trung thực, chính xác các nội dung trong Mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu số liệu báo cáo quy định tại Điều 2 của Thông tư này đến cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp và Ủy ban nhân dân cùng cấp nơi tổ chức thuộc cơ quan Trung ương đóng trụ sở.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư này có trách nhiệm tổng hợp đầy đủ số liệu báo cáo của các đơn vị trực thuộc vào báo cáo gửi về Bộ Tư pháp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp không tổng hợp số liệu báo cáo của các tổ

chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn vào báo cáo gửi đến cơ quan nhận báo cáo.

Điều 6. Chính lý, bổ sung báo cáo

1. Trường hợp phải chỉnh lý, bổ sung nội dung, số liệu trong báo cáo, cơ quan lập báo cáo có trách nhiệm gửi báo cáo đã được chỉnh lý, bổ sung, kèm theo văn bản giải trình rõ về việc chỉnh lý, bổ sung và phải có chữ ký xác nhận, đóng dấu.

2. Trường hợp tự ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung báo cáo, số liệu trong báo cáo và các biểu mẫu số liệu báo cáo kèm theo thì báo cáo, biểu mẫu đó không có giá trị báo cáo.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019, thay thế Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước của mình chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng báo cáo, kịp thời tổng hợp để gửi Bộ Tư pháp theo đúng nội dung, thời hạn quy định tại Thông tư này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp (qua Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. 

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tư pháp;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Cục QLXLVPHC&TDTHPL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đặng Hoàng Oanh

PHỤ LỤC SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	Tên biểu mẫu	Kỳ báo cáo
1.	Mẫu đề cương báo cáo - Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	06 tháng/năm
2.	Mẫu số 1 - Bảng tổng hợp số liệu báo cáo về xử phạt vi phạm hành chính.	06 tháng/năm
3.	Mẫu số 2 - Bảng tổng hợp số liệu báo cáo về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.	06 tháng/năm